

GRADE 7- UNIT1: MY HOBBIES
VOCABULARY 02

	IN VIETNAMESE	IN ENGLISH
1	trượt băng	
2	nặn đồ gốm	
3	chia sẻ	
4	khác thường	
5	lạ	
6	cờ tỉ phú	
7	độc đáo	
8	leo núi	
9	trượt pa tanh	
10	lướt sóng	
11	giai điệu	
12	làm mô hình	